

**DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN TỔ CHỨC
HỌC KỲ TĂNG CƯỜNG - NĂM HỌC: 2022 - 2023**

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	INT498	An toàn mạng không dây và di động	2
2	BIO308	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm	2
3	INT411	An toàn và bảo mật thông tin	2
4	HOS452	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3
5	MMC303	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1
6	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1
7	MAN404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1
8	HUR403	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTNS	1
9	BIO402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1
10	FOT404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1
11	ECO415	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1
12	FIN432	Bảo hiểm	3
13	BUS411	Bảo hiểm trong kinh doanh	3
14	PUR423	Báo in và báo trực tuyến	2
15	JAP418	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2
16	JAP419	Biên dịch Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3
17	ENG412	Biên dịch thương mại 1	3
18	ENG413	Biên dịch thương mại 2	3
19	KOR411	Biên phiên dịch 1	3
20	KOR412	Biên phiên dịch 2	3
21	KOR413	Biên phiên dịch 3	3
22	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3
23	ART416	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp 1 (Piano)	3
24	ART417	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp 1 (Thanh nhạc)	3
25	PSY416	Các giá trị sống và kỹ năng sống	3
26	LIT301	Các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học	2
27	TRA410	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	3
28	SOS203	Các nền văn minh thế giới	3
29	PUR433	Các thể loại báo chí	2
30	TRA301	Các tuyến điểm du lịch nội địa	3
31	ENG459	Các vấn đề toàn cầu	3
32	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3
33	INT302	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
34	NUR446	Chăm sóc sức khỏe bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm	2
35	NUR444	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2
36	PSY302	Chẩn đoán tâm lý	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
37	SKL401	Chiến thuật giao tiếp trong tiếng Anh	3
38	BUS413	Chính sách ngoại thương	3
39	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
40	INT303	Cơ sở dữ liệu	3
41	ORI303	Cơ sở ngôn ngữ học	2
42	GRA401	Cơ sở thiết kế đồ họa	2
43	FOT407	Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	2
44	BIO411	Công nghệ di truyền cơ bản	2
45	BIO440	Công nghệ di truyền ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	2
46	BIO424	Công nghệ lên men thực phẩm	2
47	BIO414	Công nghệ sản xuất Enzyme	2
48	BIO443	Công nghệ sản xuất phân bón sinh học	2
49	FOT434	Công nghệ sau thu hoạch	2
50	BIO442	Công nghệ sinh học trong chọn giống thủy sản	2
51	LIT425	Công tác chủ nhiệm lớp	2
52	ENG446	Cú pháp	3
53	JAP422	Cú pháp học tiếng Nhật	2
54	SOC415	Đặc điểm các loại hình báo chí	2
55	HOS413	Đại cương khu du lịch	3
56	TOU311	Đại cương lịch sử Việt Nam	3
57	ENG456	Đàm phán quốc tế 1	3
58	FOT409	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	2
59	HOS414	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3
60	HUR404	Đánh giá và phát triển nhân viên	3
61	PUR306	Đạo đức nghề nghiệp PR	2
62	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh	3
63	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2
64	CHI422	Đất nước học Trung Quốc	3
65	INT506	ĐATN đại học An toàn thông tin	12
66	INT552	ĐATN đại học Hệ thống thông tin	12
67	ELE539	ĐATN đại học Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	12
68	INT504	ĐATN đại học Kỹ thuật phần mềm	12
69	INT502	ĐATN đại học Mạng máy tính	12
70	ELE538	ĐATN ĐH Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	9
71	INT201	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3
72	TRA446	Di sản văn hóa Việt Nam	3
73	KOR414	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2
74	KOR452	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	3
75	TOU301	Địa lý du lịch Việt Nam	3
76	CHI436	Dịch nói 2	4
77	NUR424	Dịch tế học	2
78	CHI420	Dịch viết 1	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
79	CHI435	Dịch viết 2	4
80	ENG467	Dịch viết 3	3
81	HOS451	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	3
82	TRA413	Điểm dã lữ hành	1
83	INT413	Điện toán đám mây	2
84	FOT435	Dinh dưỡng	2
85	FIN407	Định giá doanh nghiệp	3
86	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2
87	ELE305	Đồ án cơ sở Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	2
88	ELE304	Đo lường và thiết bị đo	2
89	ENG317	Đọc 2	2
90	HOS440	Du lịch MICE	2
91	TRA412	Du lịch sinh thái	2
92	MAR405	E - Marketing	3
93	HOS442	Giám sát nhà hàng	3
94	PSY418	Giáo dục gia đình và giáo dục trẻ cá biệt	3
95	PSY303	Giáo dục học đại cương	2
96	JAP425	Giáo dục Nhật Bản	2
97	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8
98	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3
99	CHI423	Giao tiếp thương mại (cơ bản)	3
100	ENG414	Giao tiếp thương mại 1	3
101	ENG415	Giao tiếp thương mại 2	3
102	HOS415	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3
103	JAP426	Hán tự học tiếng Nhật	2
104	BUS416	Hành vi khách hàng	3
105	BUS417	Hành vi tổ chức	3
106	INT416	Hệ điều hành	2
107	INT417	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2
108	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán căn bản	3
109	INT403	Hệ thống thông tin quản lý	2
110	NAS301	Hóa phân tích	2
111	HUR406	Hoạch định và tuyển dụng nhân viên	3
112	TRA415	Hoạt náo	3
113	ART422	Hợp xướng 1	2
114	CHI425	HSK cao cấp	2
115	PSY419	Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông	3
116	ACC201	Kế toán đại cương	3
117	ACC408	Kế toán ngân hàng	3
118	ACC424	Kế toán tài chính chuyên sâu	3
119	INT418	Khai phá dữ liệu	2
120	LOG419	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
121	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3
122	BIO426	Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	2
123	INT474	Kiểm thử phần mềm	3
124	ACC412	Kiểm toán căn bản	3
125	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1
126	INT304	Kiến trúc máy tính	2
127	BUS418	Kinh doanh quốc tế	3
128	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
129	HOS416	Kinh tế du lịch khách sạn	3
130	ECO201	Kinh tế học đại cương	3
131	ECO302	Kinh tế lượng	3
132	ECO319	Kinh tế phát triển	3
133	ECO303	Kinh tế vi mô	3
134	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3
135	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3
136	LAW417	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3
137	CHI325	Kỹ năng đọc - viết 2	3
138	NUR427	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe	2
139	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3
140	CHI328	Kỹ năng nghe - nói 2	3
141	CHI330	Kỹ năng nghe - nói 4	3
142	CHI426	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc	1
143	SKL203	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3
144	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3
145	LIT430	Kỹ năng tác nghiệp của phóng viên	2
146	PSY420	Kỹ năng tham vấn tâm lý	3
147	ART425	Kỹ năng thị tấu	2
148	CHI427	Kỹ năng thuyết trình	1
149	ENG455	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	3
150	SOC416	Kỹ năng truyền thông	3
151	SOC417	Kỹ năng viết báo	3
152	LIT432	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ Văn	2
153	ELE424	Kỹ thuật truyền dẫn và chuyển mạch	3
154	ACC415	Lập báo cáo tài chính	3
155	BUS421	Lập kế hoạch kinh doanh	3
156	INT312	Lập trình C++	2
157	INT317	Lập trình C++ nâng cao	2
158	INT419	Lập trình hướng đối tượng	2
159	INT421	Lập trình trên các thiết bị di động	2
160	ART226	Lịch sử âm nhạc phương Tây 1	2
161	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
162	KOR415	Lịch sử Hàn Quốc	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
163	ELE307	Linh kiện điện tử	2
164	LAW305	Luật công chứng và chứng thực	2
165	LAW424	Luật dân sự và tố tụng tố tụng dân sự	3
166	LAW413	Luật đất đai	3
167	LAW401	Luật hình sự	3
168	PSY415	Luật lao động	2
169	LAW408	Luật môi trường	3
170	LAW423	Luật thương mại	3
171	LAW409	Luật thương mại điện tử	2
172	ENG410	Luyện dịch 1	3
173	ENG411	Luyện dịch 2	3
174	ENG302	Luyện dịch cơ bản	2
175	CHI442	Lý thuyết dịch	3
176	ENG464	Lý thuyết dịch	3
177	JAP428	Lý thuyết dịch	2
178	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3
179	SOC303	Lý thuyết xã hội học	3
180	ELE309	Mạch điện tử 1	2
181	INT425	Mạng máy tính	2
182	MAR407	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3
183	MAR201	Marketing căn bản	3
184	MAR409	Marketing dịch vụ	3
185	MAR412	Marketing mối quan hệ	3
186	MAR413	Marketing ngân hàng	3
187	MAR414	Marketing quốc tế	3
188	MAR416	Marketing truyền thông xã hội	3
189	INT489	Mật mã học	2
190	BIO307	Miễn dịch học đại cương	2
191	NUR401	Mô học - Phôi thai học	2
192	NAS101	Môi trường và con người	3
193	LIT433	Một số tác gia văn học VN hiện đại	3
194	SOS206	Mỹ học đại cương	3
195	PUR434	Nghệ thuật thương lượng, đàm phán	2
196	NUR420	Nghiên cứu khoa học	2
197	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3
198	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3
199	SUC407	Nghiệp vụ hải quan	3
200	TRA302	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3
201	HOS435	Nghiệp vụ lễ tân nhà hàng khách sạn	3
202	FIN410	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	3
203	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	2
204	FIN411	Nghiệp vụ ngoại thương	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
205	HOS417	Nghiệp vụ nhà hàng	3
206	LIT436	Nghiệp vụ sư phạm	2
207	LIT437	Nghiệp vụ thư ký văn phòng và công tác văn thư lưu trữ	2
208	TRA303	Nghiệp vụ xuất nhập cảnh du lịch	2
209	ENG304	Ngôn ngữ học so sánh	3
210	LIT305	Ngữ âm và từ vựng tiếng Việt	2
211	ENG305	Ngữ âm, âm vị và hình vị học	3
212	BUS303	Nhập môn ngành Kinh doanh quốc tế	2
213	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	2
214	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2
215	HOS418	Nhượng quyền thương mại	3
216	ACC416	Phần Mềm kế toán	3
217	INT427	Phân tích thiết kế hệ thống	2
218	NUR419	Pháp luật – Tổ chức Y tế	2
219	LAW101	Pháp luật đại cương	3
220	PUR421	Pháp luật truyền thông	2
221	SOC419	Pháp luật về báo chí và xuất bản	2
222	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2
223	LAW422	Pháp luật về hải quan và Xuất nhập khẩu	3
224	LAW429	Pháp luật về trọng tài thương mại	2
225	ENG419	Phát âm	3
226	ART442	Phát âm ngôn ngữ Pháp, Ý, Đức, Nga	2
227	SOC306	Phát triển cộng đồng	2
228	TOU302	Phát triển du lịch bền vững	2
229	MAR429	Phát triển sản phẩm	3
230	FOT417	Phát triển sản phẩm thực phẩm	2
231	INT475	Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	2
232	JAP433	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2
233	JAP434	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3
234	ENG421	Phiên dịch thương mại 1	3
235	ENG422	Phiên dịch thương mại 2	3
236	JAP436	Phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật nâng cao	3
237	LIT309	Phong cách học tiếng Việt	2
238	PUR444	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2
239	TRA418	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng lữ hành	3
240	ENG425	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	3
241	ENG423	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3
242	TOU408	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3
243	SOC307	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3
244	SOC308	Phương pháp nghiên cứu định tính	2
245	PSY305	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3
246	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
247	HOS419	Phương pháp xây dựng khẩu phần thực đơn	3
248	ART439	Piano phổ thông 2	1
249	PUR429	Quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng truyền thông	2
250	PUR410	Quan hệ công chúng	3
251	PUR488	Quan hệ công chúng (Văn - Truyền thông)	2
252	BUS426	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
253	PSY424	Quan hệ lao động	3
254	ENG462	Quan hệ quốc tế	3
255	JAP438	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản	2
256	TRA450	Quản lý doanh nghiệp lữ hành	3
257	HOS420	Quản lý doanh thu và chi phí	3
258	INT477	Quản lý dự án phát triển phần mềm	2
259	SOC309	Quản lý dự án xã hội	2
260	SOC420	Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ	2
261	MAN406	Quản trị bán hàng	3
262	LOG406	Quản trị bán hàng trực tuyến	3
263	HOS441	Quản trị bếp	3
264	MAN408	Quản trị chất lượng	3
265	LOG412	Quản trị chất lượng toàn diện	3
266	LOG417	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3
267	MAN409	Quản trị chiến lược	3
268	HOS422	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3
269	LOG301	Quản trị chiến lược trong Logistics và chuỗi cung ứng	3
270	SUC408	Quản trị chuỗi cung ứng	3
271	MAN410	Quản trị dịch vụ	3
272	HOS302	Quản trị dịch vụ ăn uống	3
273	MAN411	Quản trị doanh nghiệp	3
274	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	3
275	INT454	Quản trị hệ thống mạng	2
276	MAN201	Quản trị học	3
277	LOG402	Quản trị kho hàng	3
278	TRA304	Quản trị kinh doanh lữ hành	2
279	LOG401	Quản trị Logistics	3
280	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3
281	MAR418	Quản trị marketing	3
282	HOS425	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2
283	HUR408	Quản trị nhân sự	3
284	LOG405	Quản trị phân phối	3
285	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3
286	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	3
287	TRA422	Quản trị sự kiện du lịch	3
288	MAN415	Quản trị sự thay đổi	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
289	FIN417	Quản trị tài chính	3
290	SUC411	Quản trị thu mua	3
291	MAR420	Quản trị thương hiệu	3
292	HOS314	Quản trị tổ chức sự kiện và hội nghị	2
293	PUR412	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3
294	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3
295	TRA423	Quản trị vận chuyển và bảo hiểm trong du lịch	2
296	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3
297	MAR403	Quảng cáo	2
298	TRA424	Quy hoạch du lịch	3
299	KOR416	Quy tắc giao tiếp trong tiếng Hàn	2
300	MMC411	Sản xuất chương trình phát thanh	2
301	BIO302	Sinh hóa đại cương	3
302	AQA403	Sinh học đại cương	3
303	NUR305	Sinh lý học	2
304	PSY425	Stress và cách ứng phó	3
305	LIT439	Tác phẩm và thể loại báo chí	2
306	FIN418	Tài chính cá nhân	3
307	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3
308	FIN422	Tài chính quốc tế	3
309	TOU304	Tâm lý du khách	2
310	TOU314	Tâm lý du khách và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3
311	NUR421	Tâm lý học	2
312	PSY201	Tâm lý học đại cương	3
313	PSY309	Tâm lý học giao tiếp	2
314	PSY451	Tâm lý học lao động	3
315	PSY312	Tâm lý học phát triển	3
316	PSY312	Tâm lý học phát triển	3
317	PSY431	Tâm lý học quản trị nhân sự	3
318	PSY432	Tâm lý học tham vấn	3
319	MMC304	Tâm lý học truyền thông giao tiếp	3
320	PSY434	Tâm lý lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2
321	BIO410	Tế bào học	3
322	INT499	TH An toàn mạng không dây và di động	1
323	INT307	TH Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	1
324	NUR447	TH Chăm sóc sức khỏe bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm	1
325	NUR443	TH Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ mang thai, hoặc đang cho con bú	1
326	NUR445	TH Chăm sóc sức khỏe trẻ em	1
327	INT308	TH Cơ sở dữ liệu	1
328	FOT408	TH Công nghệ chế biến thủy sản, súc sản	1
329	BIO412	TH Công nghệ di truyền cơ bản	1
330	BIO412	TH Công nghệ di truyền cơ bản	1

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
331	BIO425	TH Công nghệ lên men thực phẩm	1
332	BIO439	TH công nghệ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật sinh học	1
333	INT432	TH Điện toán đám mây	1
334	ELE313	TH Đo lường và thiết bị đo	1
335	INT433	TH Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1
336	INT404	TH Hệ thống thông tin quản lý	1
337	INT434	TH Khai phá dữ liệu	1
338	BIO427	TH Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	1
339	ELE430	TH Kỹ thuật truyền dẫn và chuyển mạch	1
340	INT313	TH Lập trình C++	1
341	INT318	TH Lập trình C++ nâng cao	1
342	INT435	TH Lập trình hướng đối tượng	1
343	INT437	TH Lập trình trên các thiết bị di động	1
344	ELE316	TH Mạch điện tử 1	1
345	INT441	TH Mạng máy tính	1
346	INT490	TH Mật mã học	1
347	NUR402	TH Mô học - Phôi thai học	1
348	INT443	TH Phân tích thiết kế hệ thống	1
349	FOT418	TH Phát triển sản phẩm thực phẩm	1
350	INT476	TH Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm	1
351	SOC310	TH Phương pháp nghiên cứu định lượng	2
352	SOC311	TH Phương pháp nghiên cứu định tính	2
353	INT478	TH Quản lý dự án phát triển phần mềm	1
354	INT455	TH Quản trị hệ thống mạng	1
355	NUR306	TH Sinh lý học	1
356	PSY438	TH tổng hợp về quản trị nhân sự tại cơ sở	3
357	PSY441	TH tổng hợp về trị liệu tâm lý tại cơ sở	3
358	INT446	TH Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	1
359	FIN425	Thẩm định tín dụng	3
360	PSY437	Tham vấn học đường	2
361	FIN424	Thanh toán quốc tế	3
362	TRA308	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2
363	FIN427	Thị trường tài chính	3
364	GRA406	Thiết kế đồ họa 2D	3
365	GRA408	Thiết kế đồ họa 3D	3
366	GRA403	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3
367	GRA404	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3
368	GRA405	Thiết kế đồ họa cơ bản 3 (InDesign)	3
369	NAS203	Thống kê ứng dụng	3
370	CHI430	Thư tin thương mại	3
371	ENG441	Thư tin thương mại	3
372	ART454	Thực nghiệm chuyên ngành 2 (Piano)	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
373	MMC306	Thực tập cơ sở	3
374	INT450	Thực tập cơ sở CNTT	4
375	KOR439	Thực tập cơ sở Hàn Quốc học	2
376	ACC422	Thực tập cơ sở Kế toán	3
377	INT448	Thực tập cơ sở Khoa học máy tính	4
378	LOG408	Thực tập cơ sở Logistics và QLCCU	3
379	MAR426	Thực tập cơ sở Marketing	3
380	ENG453	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ PPDH BM Tiếng Anh	4
381	ENG461	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ Quan hệ Quốc tế	4
382	ENG452	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/ TATM	4
383	ENG470	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh/Biên phiên dịch	4
384	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2
385	CHI434	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc	4
386	JAP478	Thực tập cơ sở Nhật Bản học	2
387	PUR417	Thực tập cơ sở PR	4
388	FIN439	Thực tập cơ sở QT Tài chính doanh nghiệp	3
389	MAN424	Thực tập cơ sở QTKD	3
390	HUR411	Thực tập cơ sở QTNS	3
391	BUS435	Thực tập nghề nghiệp KDQT	3
392	ACC423	Thực tập nghề nghiệp Kế toán	3
393	MAN425	Thực tập nghề nghiệp QTKD	3
394	FIN438	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3
395	TRA435	Thực tập nghiệp vụ 1 quản trị DVDL-LH	3
396	TRA436	Thực tập nghiệp vụ 2 quản trị DVDL-LH	3
397	INT582	Thực tập tốt nghiệp Khoa học máy tính	5
398	FIN428	Thuế	3
399	BUS306	Thương mại điện tử	3
400	LIT440	Tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam	3
401	TRA425	Tiếng Anh chuyên ngành HDDL	3
402	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3
403	ELE426	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	3
404	LOG403	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU	3
405	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3
406	HOS448	Tiếng Anh chuyên ngành QTNH & DVAU	3
407	HOS305	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3
408	HOS427	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn và Khu Du lịch	3
409	HOS428	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ Ẩm thực	3
410	SOC422	Tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học về truyền thông báo chí	2
411	ENG426	Tiếng Anh chuyên ngành xuất nhập khẩu	3
412	ENG427	Tiếng Anh đọc 1	3
413	TRA447	Tiếng Anh Du lịch 1	3
414	TRA448	Tiếng Anh Du lịch 2	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
415	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3
416	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3
417	TRA305	Tiếng Anh ngành Lữ hành	3
418	ENG431	Tiếng Anh nghe - nói 2	3
419	ENG432	Tiếng Anh nghe - nói 3	3
420	ENG433	Tiếng Anh nghe - nói 4	3
421	ENG434	Tiếng Anh ngữ pháp 1	3
422	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3
423	ENG436	Tiếng Anh ngữ pháp 3	3
424	ENG438	Tiếng Anh viết 2	3
425	ENG439	Tiếng Anh viết 3	3
426	KOR311	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2
427	KOR312	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2
428	KOR305	Tiếng Hàn đọc 2	2
429	KOR420	Tiếng Hàn đọc 4	2
430	KOR421	Tiếng Hàn đọc 5	2
431	KOR422	Tiếng Hàn đọc 6	2
432	KOR423	Tiếng Hàn đọc 7	2
433	KOR418	Tiếng Hàn du lịch	2
434	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3
435	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3
436	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3
437	KOR424	Tiếng Hàn kinh thương	2
438	KOR307	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2
439	KOR443	Tiếng Hàn nghe - nói 4	3
440	KOR429	Tiếng Hàn nghe - nói 6	3
441	KOR430	Tiếng Hàn nghe - nói 7	3
442	KOR425	Tiếng Hàn nghe - nói 8	3
443	KOR308	Tiếng Hàn ngữ pháp 1	2
444	KOR309	Tiếng Hàn ngữ pháp 2	2
445	KOR432	Tiếng Hàn ngữ pháp 4	2
446	KOR433	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao	3
447	KOR440	Tiếng Hàn Văn bản Thư tín	3
448	KOR435	Tiếng Hàn viết 1	2
449	KOR436	Tiếng Hàn viết 2	2
450	JAP448	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2
451	JAP449	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2
452	JAP450	Tiếng Nhật đọc - viết 5	2
453	JAP451	Tiếng Nhật đọc - viết 6	2
454	JAP452	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2
455	JAP309	Tiếng Nhật đọc 2	2
456	JAP457	Tiếng Nhật đọc 7	2

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
457	JAP447	Tiếng Nhật du lịch	2
458	JAP439	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2
459	JAP440	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2
460	JAP441	Tiếng Nhật nghe - nói 5	2
461	JAP442	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2
462	JAP443	Tiếng Nhật nghe - nói 7	2
463	JAP460	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2
464	JAP461	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2
465	JAP462	Tiếng Nhật ngữ pháp 5	2
466	JAP463	Tiếng Nhật ngữ pháp 6	2
467	JAP464	Tiếng Nhật ngữ pháp 7	2
468	JAP465	Tiếng Nhật nhà hàng - khách sạn	2
469	JAP319	Tiếng Nhật tổng hợp 2	3
470	JAP471	Tiếng Nhật văn phòng	2
471	JAP472	Tiếng Nhật viết 1	2
472	JAP473	Tiếng Nhật viết 2	2
473	JAP474	Tiếng Nhật viết 3	2
474	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3
475	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3
476	CHI338	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3
477	CHI336	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3
478	CHI337	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3
479	LIT311	Tiếp nhận văn học	2
480	HOS429	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3
481	ENG440	Tiếp thị và tổ chức sự kiện	3
482	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3
483	TRA429	Tổ chức quản lý đại lý du lịch	3
484	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2
485	NAS202	Toán cao cấp	3
486	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2
487	TRA306	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2
488	ACC303	Trải nghiệm ngành, nghề	1
489	BUS307	Trải nghiệm ngành, nghề	1
490	HUR302	Trải nghiệm ngành, nghề	1
491	MAR303	Trải nghiệm ngành, nghề	1
492	FOT401	Trải nghiệm ngành, nghề 1	1
493	HOS309	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2
494	FOT402	Trải nghiệm ngành, nghề 2	2
495	HOS434	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3
496	HOS447	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTNH & DVAU	2
497	PSY442	Trị liệu hệ thống	3
498	POL105	Triết học Mác - Lênin	3

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
499	SOC425	Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội	2
500	INT551	TTTN Công nghệ thông tin	5
501	KOR542	TTTN Hàn Quốc học	3
502	ACC523	TTTN Kế toán	5
503	BUS513	TTTN Kinh doanh quốc tế	5
504	ELE434	TTTN Kỹ thuật điện tử, truyền thông	3
505	LOG501	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5
506	MAR528	TTTN Marketing	5
507	ENG503	TTTN Ngôn ngữ Anh/ PPGD BM Tiếng Anh	5
508	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5
509	HOS535	TTTN Quản trị khách sạn	5
510	MAN526	TTTN Quản trị kinh doanh	5
511	FIN537	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5
512	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
513	TOU306	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3
514	HOS432	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3
515	SOC314	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu KHXH	3
516	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3
517	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp	3
518	CHI433	Văn hóa doanh nghiệp	1
519	PUR428	Văn hóa doanh nghiệp	2
520	JAP481	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2
521	KOR441	Văn hóa Hàn Quốc	2
522	JAP482	Văn hóa Nhật Bản	2
523	MMC305	Văn học ứng dụng	3
524	LIT319	Văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945	3
525	LIT322	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII	2
526	NAS204	Vật lý đại cương	3
527	FOT311	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	3
528	BIO441	Vì sinh thực phẩm	2
529	ENG320	Viết 2	2
530	PUR489	Viết bài PR và thông cáo báo chí	2
531	SOC426	Xã hội học báo chí	3
532	SOC427	Xã hội học dân số	3
533	SOC429	Xã hội học gia đình	3
534	SOC433	Xã hội học lao động	2
535	SOC436	Xã hội học quản lý	3
536	INT449	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	2
537	NUR422	Y đức	2

Tổng: 537 Học phần.